

CẢI THIỆN KỸ NĂNG NÓI TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG NÓI ỨNG KHẨU

Hoàng Thị Anh Thơ

Trường Đại học Thương mại

Tóm tắt: Nói ứng khẩu là một kỹ năng nhiều người học ngoại ngữ còn yếu. Việc nói về một chủ đề hoàn chỉnh mà không có hoặc có ít thời gian chuẩn bị gây nhiều tâm lý lo lắng cho người trình bày. Tuy nhiên việc rèn luyện kỹ năng này không những giúp người học rèn được phản xạ nói mà còn phát triển kỹ năng giao tiếp cho người học, tăng cường sự tự tin khi nói trước đám đông. Bài viết đưa ra những nhìn nhận của sinh viên năm thứ hai chuyên tiếng Anh về hoạt động nói ứng khẩu được sử dụng trong học phần tiếng Anh thương mại. Từ những gì sinh viên đạt được và những vấn đề còn tồn tại, tác giả bài viết đề xuất một số gợi ý giúp hoàn thiện hơn hoạt động dạy và học trên lớp này.

Từ khóa: Nói ứng khẩu, sinh viên chuyên tiếng Anh, nói trước đám đông.

Nhận bài ngày 13.4.2023; gửi phản biện, chỉnh sửa và duyệt đăng ngày 22.6.2023.

Liên hệ tác giả: Hoàng Thị Anh Thơ; Email: thohoang78@gmail.com

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tiếng Anh ngày nay là một công cụ không thể thiếu giúp sinh viên chinh phục nhà tuyển dụng trong nước cũng như quốc tế mà còn là phương tiện quan trọng mở rộng con đường hội nhập với thế giới. Tuy nhiên nắm được công cụ và phương tiện đó không chỉ dừng lại ở việc biết đọc và nghe một chiều. Người học cần phải sử dụng được ngôn ngữ trong môi trường giao tiếp, nhất là giao tiếp nói bằng tiếng Anh. Trong khi đó kỹ năng nói tiếng Anh xưa nay vẫn được coi là kỹ năng khó. Lý do cho cái khó này có thể kể đến như phương pháp học ở nhiều trường vẫn nặng về từ vựng và ngữ pháp như nhiều năm trước nên không có nhiều thời gian cho việc luyện tập các kỹ năng giao tiếp, lớp học đông nên giáo viên khó tổ chức và sát sao các hoạt động thúc đẩy kỹ năng nói và quan trọng hơn cả là cái khó từ tâm lý người học.

Theo Szyszka (2017), sinh viên khi trình bày bài nói thường có cảm giác lo lắng. Sự lo lắng tuy rằng ở mỗi người có sự thể hiện theo các mức độ khác nhau nhưng những biểu hiện chung có thể dễ nhận thấy là tăng nhịp tim, lạnh tay và quên một hay nhiều phần nội dung cần trình bày. Horwitz (2001) cũng cho rằng lo lắng là nguyên nhân chính xuất hiện khi sinh viên thuyết trình và phát biểu trước đám đông. Việc kiểm soát được sự lo lắng hay không ảnh hưởng đến bài nói rất nhiều. Khi không có sự chuẩn bị nhiều, sinh viên cảm thấy căng thẳng vì không biết người nghe đón nhận bài nói của mình ra sao, quá trình mình nói có đảm bảo nội dung và các yêu cầu về trình bày, không biết câu hỏi mình sẽ nhận được là gì hoặc không biết bài nói có bị đánh giá và ảnh hưởng đến kết quả học tập hay không. Chính vì thế sinh viên cảm thấy

an tâm hơn khi bài nói là các dạng cho chuẩn bị từ trước. Sinh viên chuẩn bị cho nội dung, có sự luyện tập về trình bày có thể bằng cách viết ra những gì mình muốn nói. Những hoạt động như đóng kịch (*roleplay*), thuyết trình (*presentation*), thảo luận nhóm (*group discussion*), tranh biện (*debate*) với sự chuẩn bị kỹ càng từ trước đảm bảo sinh viên dùng đúng tiếng Anh hơn và khuyến khích sự tự tin hơn. Những hoạt động đó với sự luyện tập thường xuyên có khả năng cải thiện khả năng trình bày trước đám đông (Gudu, 2015) tuy nhiên khi sinh viên đã đạt đến một trình độ nào đó việc chuẩn bị kỹ trước khi nói thậm chí là viết ra trước khi nói không đảm bảo các yếu tố giao tiếp như ngoài thực tế. Một tình huống giao tiếp thực với những câu hỏi, những yếu tố ngoài mong đợi, với những yêu cầu phải phản xạ nhanh đòi hỏi sinh viên cần môi trường luyện tập gắt gao hơn nữa. Từ nhu cầu thực tiễn trên, là một giáo viên giảng dạy tiếng Anh cho sinh viên chuyên ngoại ngữ của Đại học Thương mại, tác giả bài viết có sử dụng hoạt động nói ứng khẩu trong các tiết học tiếng Anh của mình nhằm tăng cường và cải thiện kỹ năng nói của sinh viên. Bài viết dưới đây sẽ trình bày những nhìn nhận của sinh viên sau khi tham gia các lớp học có sử dụng hoạt động nói ứng khẩu và những gợi ý nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động dạy và học này.

2. NỘI DUNG

2.1. Tổng quan về nói ứng khẩu và phương pháp nghiên cứu

2.1.1. Nói ứng khẩu

Nói ứng khẩu hay nói ngẫu hứng (*impromptu speech*) là một dạng nói mà ở đó người nói không có hoặc có ít thời gian để chuẩn bị (Wood, 2001; Lucas, 2009; Kaur, 2010). Nói ứng khẩu xuất hiện dưới nhiều dạng thức khác nhau và trong nhiều bối cảnh khác nhau. Nói ứng khẩu được dùng trong giao tiếp hằng ngày với gia đình, thầy cô, bạn bè; trong công việc như khi đi phỏng vấn, khi đi họp; trong bối cảnh lớp học khi thầy cô đặt câu hỏi và người học được gọi trả lời. Hoạt động nói ứng khẩu như vậy không xa lạ gì trong tiếng mẹ đẻ nhưng khi đặt nó trong bối cảnh dùng ngoại ngữ, nhất là trong lớp học ngoại ngữ người học gặp phải không ít khó khăn. Nói ứng khẩu là một dạng của nói trước đám đông (*public speaking*) nhưng có đặc thù là nói mà không có hoặc có ít thời gian chuẩn bị nên ngoài sự lo lắng về việc chia sẻ suy nghĩ trong một không gian rộng hơn với những người không quen thuộc là sự e ngại về việc bị đánh giá và sự thiếu hụt về kiến thức cần trình bày (Hsieh, 2006).

Các nghiên cứu về hoạt động nói ứng khẩu trong nước chưa được nhiều, còn tập trung vào thực trạng và nói ứng khẩu được coi như giải pháp cho thực trạng đó. Trên thế giới, nói ứng khẩu được nghiên cứu sâu và rộng hơn. Theo Henderson (1982), nói ứng khẩu có thể giúp người học ngoại ngữ gia tăng sự tự tin trong các tình huống giao tiếp đồng thời cải thiện khả năng giao tiếp nói chung theo mọi trình độ. Theo đó, tầm quan trọng của nói ứng khẩu, các gợi ý khi giảng dạy, những khó khăn có thể gặp phải và hướng đề xuất giải quyết vấn đề cũng được ông đưa ra. Hsieh (2006) cũng trình bày các khó khăn khi nói ứng khẩu với với ba nhóm khó khăn chính: ngôn ngữ, kỹ năng nói và kiến thức nền. Về tâm lý lo lắng và nguyên nhân của tâm lý đó, Ajeng (2016) đã kể đến bốn nguyên nhân bao gồm sự không thoải mái, nỗi sợ hãi, sự nhút nhát và sự lo nghĩ. Khi áp dụng hoạt động nói ứng khẩu vào giảng dạy cho sinh viên, kết quả ghi nhận được là tích cực. Nghiên cứu của Sthiwartnarueput (2017) với 40 sinh viên tại một trường đại học ở Thái cho thấy hiệu quả của hoạt động nói ứng khẩu. Phần lớn sinh viên trong nghiên cứu thích học giờ học nói ứng khẩu bởi hoạt động này được cho là mang tính tự nhiên, gắn liền với hoạt động nói trong môi trường giao tiếp thực tế.

Tầm quan trọng của nói ứng khẩu bởi vậy càng được khẳng định. Fredricks (2005) cho rằng việc rèn luyện nói ứng khẩu giúp người học biết cách sắp xếp các ý tưởng trong đầu và hạn chế sự rụt rè khi giao tiếp. Đồng quan điểm đó, Menguin (2008) bày tỏ thêm nói ứng khẩu giúp cải thiện cách diễn đạt suy nghĩ của người dùng thông qua hình thức nói, giúp phát triển sự tự tin khi nói trước đám đông, giúp suy nghĩ và phản ứng nhanh về một vấn đề, phát triển kỹ năng lãnh đạo và phát triển kỹ năng giao tiếp. Để chuẩn bị cho hoạt động nói ứng khẩu, Henderson (1982) gợi ý giáo viên trước hết cần giải thích nói ứng khẩu là gì và giới thiệu dàn ý hoặc quy định của bài nói. Sinh viên cần được nhấn mạnh về tầm quan trọng của thời gian chuẩn bị và được luyện tập sao cho với thời gian ít ỏi đó họ biết sắp xếp các ý hợp lý. Việc bấm giờ cũng rất quan trọng. Giáo viên cần sắp xếp người bấm giờ hoặc máy bấm giờ. Khi sinh viên ý thức được thời gian trình bày, sinh viên sẽ có áp lực để trình bày đúng trọng tâm và thể hiện chính xác ý cần nói. Về mặt cấu trúc của bài nói ứng khẩu, trong lớp học ngoại ngữ nói ứng khẩu có thể xuất hiện dưới dạng không chính thức như khi giáo viên đặt câu hỏi và người học trả lời như một cách tham gia xây dựng bài hoặc đánh giá kiến thức người học thu nhận được. Câu hỏi và trả lời nhiều khi có nội dung và hình thức nhưng nhiều khi lại rất ngắn gọn trong vài từ hoặc vài câu không đảm bảo các yếu tố của một bài nói hoàn chỉnh. Theo một cách khác, nói ứng khẩu là một bài nói hoàn chỉnh gồm ba phần mở thân kết rõ ràng về một chủ đề nào đó được thể hiện bởi người học trong một khoảng thời gian nhất định mà không có hoặc có rất ít sự chuẩn bị (Gregory, 1996).

Khi nói ứng khẩu, người học có thể để tâm đến một vài lưu ý sau để có thể đạt yêu cầu cao nhất của bài nói. Thứ nhất, bài nói ứng khẩu cần được tổ chức ý thành ba phần mở, thân và kết. Thứ hai, thông tin trình bày cần phù hợp chủ đề, hướng tới khán giả và mang yếu tố truyền tải cảm xúc. Thứ ba, để trình bày hiệu quả bài nói cần bao gồm cả yếu tố ngôn ngữ và phi ngôn ngữ. Phi ngôn ngữ thông qua cử chỉ và cách di chuyển (*gestures and movement*), dáng bộ (*posture*) thể hiện sự tự tin và thoải mái, giao tiếp bằng mắt tự nhiên (*eye contact*) kèm biểu đạt khuôn mặt (*facial expression*). Người nói cũng cần chú ý đến giọng nói (*voice*), âm lượng (*volume*), ngữ điệu (*intonation*), sự trôi chảy (*fluency*), tốc độ nói (*rate*) và sự ngừng nghỉ (*pauses*). Ngoài ra người nói cần biết phân bổ thời gian hợp lý để quản lý thời gian một cách tốt nhất (Greory, 1996; Greory, 1998; Hsieh, 2006).

2.1.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu diễn ra tại trường Đại học Thương mại với đối tượng nghiên cứu là 68 sinh viên năm thứ hai ở hai lớp tiếng Anh thương mại mà người viết được phân công giảng dạy. Các chủ đề nói ứng khẩu là các chủ đề nằm hoàn toàn trong chủ đề lớn của hai bài học về Mua bán sáp nhập (*Mergers and Acquisitions*) và Thương mại quốc tế (*International Trade*) mà sinh viên được học trong học phần Tiếng Anh thương mại. Chủ đề nằm trong lịch trình giảng dạy giúp đảm bảo sinh viên đều có kiến thức nền cơ bản phục vụ phần nói của mình. Thời gian cho nghiên cứu cũng là thời gian học phần Tiếng Anh thương mại diễn ra trong 15 tuần của một kì học. Hoạt động nói ứng khẩu được tổ chức ba lần sau khi kết thúc mỗi chủ đề lớn và sau khi kết thúc toàn bộ học phần. Người tham gia hoạt động là sinh viên chuyên ngoại ngữ, các chủ đề cũng đã được nhắc đến trong bài học nên giáo viên không cung cấp thêm thông tin hay bất kì gợi ý nào. Quy trình của hoạt động này diễn ra như sau: sinh viên lần lượt được gọi lên theo tinh thần xung phong trước để bốc thăm chọn chủ đề; giáo viên tính thời gian chuẩn bị cho mỗi chủ đề là 3 phút; sau đó giáo viên bấm giờ cho mỗi bài nói là 1 phút; cuối cùng giáo viên đưa

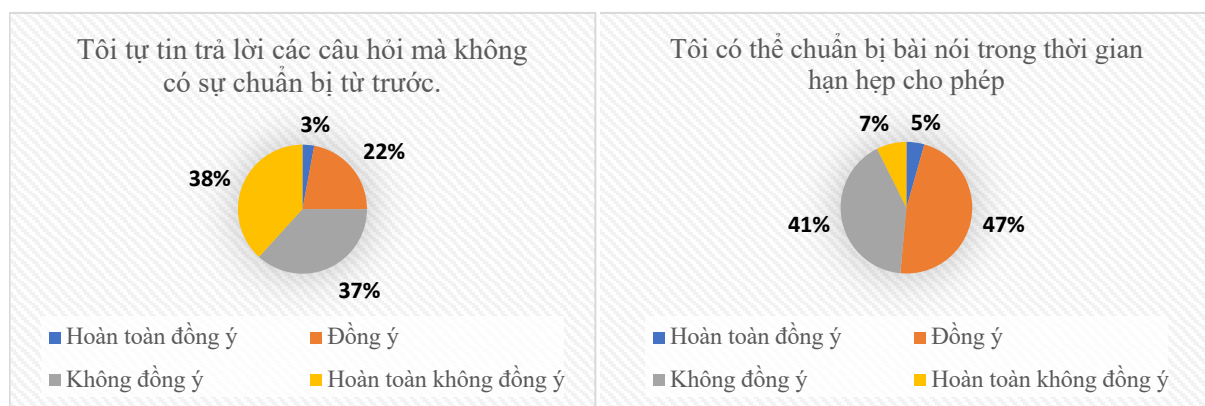
ra nhận xét và chuyển sang người nói tiếp sau. Người viết sử dụng phương pháp nghiên cứu là khảo sát nên sau khi kết thúc học phần sinh viên hai lớp nhận được bảng hỏi khảo sát nhằm thu thập những phản hồi đánh giá của sinh viên về hoạt động nói ứng khẩu. Bảng hỏi gồm mười một câu dựa trên các tiêu chí đánh giá của Greory (1996), Greory (1998) và Hsieh (2006). Sinh viên thể hiện ý kiến bằng việc tích vào các lựa chọn trên thang đo 4 bậc (hoàn toàn đồng ý, đồng ý, không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý). Bảng hỏi được phát trực tiếp cho sinh viên tại lớp học vào buổi cuối của học phần sau khi kết thúc toàn bộ nội dung giảng dạy và kiểm tra. Những gì sinh viên cảm thấy khó hiểu hay thắc mắc về bảng hỏi được giải thích ngay trên lớp. Sau đó bảng hỏi được thu lại đủ số lượng, thông tin thu nhận được xử lý, đồng bộ và thể hiện qua biểu bảng. Từ đó người viết nhìn nhận lại hoạt động nói ứng khẩu đã được triển khai tại lớp và đề xuất giải pháp nhằm tăng tính hiệu quả của hoạt động nói này nhiều hơn nữa.

2.2. Kết quả và thảo luận

Dưới đây là tổng hợp phản hồi từ sinh viên sau khi kết thúc học phần có sử dụng hoạt động nói ứng khẩu.

Biểu đồ 1 cho thấy sinh viên tự đánh giá việc đạt được mục tiêu của hoạt động nói ứng khẩu như thế nào. Có 25% số sinh viên đồng ý và hoàn toàn đồng ý là mình đã tự tin khi trả lời câu hỏi ứng khẩu trong khi 38% vẫn hoàn toàn không đồng tình với quan điểm đó. Rõ ràng là nói ứng khẩu là một trong những hoạt động khó nhằn nhất trong các cuộc thi nói (Wood, 2001). Sinh viên không những phải ứng biến nhanh, đưa ra câu trả lời nhanh và hợp lý trong thời gian chuẩn bị và trình bày cho phép. Nói ứng khẩu bị chi phối bởi nhiều yếu tố nên việc khẳng định mình tự tin trả lời mọi câu hỏi sau khi kết thúc một học phần không phải là một việc dễ dàng.

Biểu đồ số 2 thể hiện ý kiến của sinh viên về thời gian chuẩn bị bài nói ứng khẩu.



Biểu đồ 1. Tôi tự tin trả lời các câu hỏi mà không có sự chuẩn bị từ trước

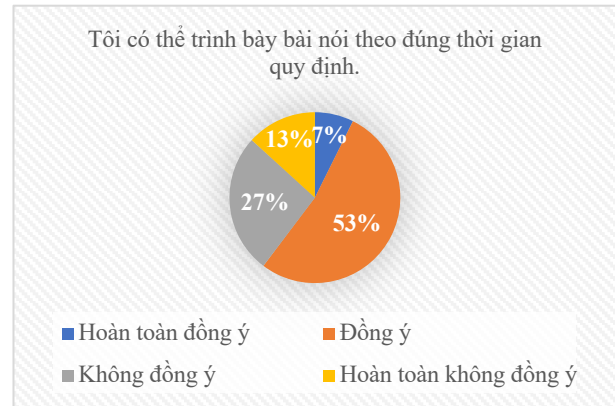
Biểu đồ 2. Tôi có thể chuẩn bị bài nói trong thời gian hạn hẹp cho phép

Thời gian giáo viên cho sinh viên chuẩn bị là 3 phút với các chủ đề liên quan đến nội dung bài đã học. Có 52% số sinh viên thấy thời gian như vậy là hợp lý để chuẩn bị bài nói. Có thể các chủ đề không đòi hỏi kiến thức quá xa lạ nhưng do cần thời gian luyện nói thêm và chuẩn bị tinh thần thêm nên 3 phút là không đủ với gần một nửa số sinh viên còn lại.

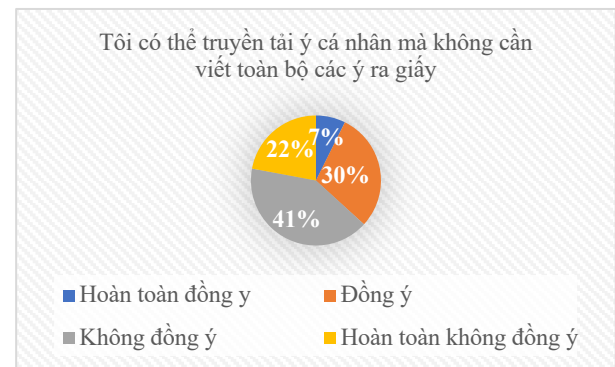
Biểu đồ số 3 là quan điểm của sinh viên về thời gian trình bày bài nói. Có gần 2/3 số sinh viên nhận thấy thời gian giáo viên đưa ra để trình bày là hợp lý. Như theo yêu cầu sinh viên có 3 phút chuẩn bị sau đó có 1 phút để trình bày. Bài nói 1 phút là bài nói không quá dài, đủ để sinh viên triển khai kết cấu 3 phần của bài nói mà không cần khai thác quá nhiều nội dung. Nhiều sinh viên nếu không loại bỏ được tâm lý lo lắng và chưa hoàn thiện về kỹ năng tiếng có thể cảm thấy thời gian 1 phút là không thỏa đáng.

Theo biểu đồ 4 có 37% sinh viên thấy rằng để nói ứng khẩu với các chủ đề được giao không cần viết các ý ra trước. Ngược lại có 63% không đồng ý trong đó có 22% hoàn toàn không đồng ý. Viết ra giấy là một thói quen thường thấy ở người học ngoại ngữ để loại bỏ sự lo lắng không đảm bảo được đúng nội dung muốn truyền tải. Như vậy có thể thấy sinh viên tham gia hoạt động nói ứng khẩu này vẫn đánh giá cao việc sử dụng giấy để ghi chép các ý trước khi nói.

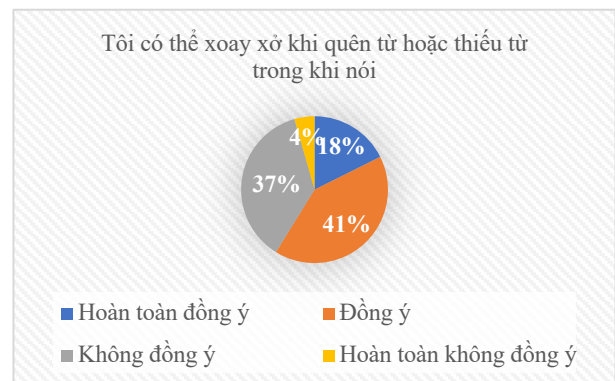
Biểu đồ 5 thể hiện sinh viên đạt được gì khi học cách giải quyết trường hợp quên từ hoặc thiếu từ khi nói ứng khẩu. Theo như biểu đồ quá nửa số sinh viên biết phải làm gì khi không tìm được từ để nói trong đó 18% hoàn toàn ý thức mình cần làm gì. Thông thường sinh viên hay gặp khó khăn về từ vựng nhưng nếu biết một số cách như tìm nhanh các từ tương đương hoặc nói chèn từ hay cụm từ để có thêm thời gian suy nghĩ tìm từ thích hợp khi đó vấn đề sẽ được giải quyết nhẹ nhàng hơn.



Biểu đồ 3. Tôi có thể trình bày bài nói theo đúng thời gian quy định

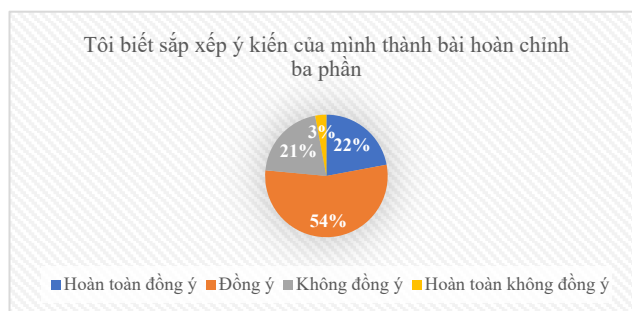


Biểu đồ 4. Tôi có thể truyền tải ý cá nhân mà không cần viết toàn bộ các ý ra giấy



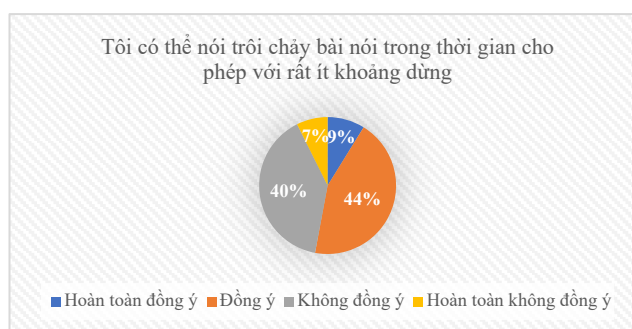
Biểu đồ 5. Tôi có thể xoay xở khi quên từ hoặc thiếu từ trong khi nói

Một bài nói ứng khẩu theo đúng nghĩa là bài nói có thời lượng và nội dung đủ dài. Khi đó bài luôn đòi hỏi kết cấu ba phần. Theo như biểu đồ 6, sinh viên gần như đã nắm bắt được yêu cầu này khi sắp xếp đúng các ý vào ba phần mở thân kết cho phù hợp. Chỉ có 1/3 số sinh viên thể hiện ý kiến không biết sắp xếp ý vào ba phần ra sao.



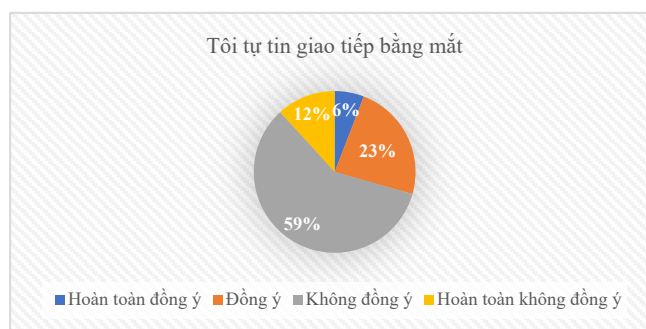
Biểu đồ 6. Tôi biết sắp xếp ý kiến của mình thành bài hoàn chỉnh ba phần

Sau một thời gian luyện tập sinh viên đã nắm bắt được kỹ thuật để bài nói trôi chảy hơn. Ngoài ra để nói trôi chảy sinh viên cũng cần tổng hòa việc tìm ý tìm từ và tâm lý khi nói. Do đó có thể thấy theo như biểu đồ 7 sinh viên vẫn còn gặp khó khăn khi thực hiện một bài nói trôi chảy. Số sinh viên đồng ý và không đồng ý gần bằng ngang nhau với 9% hoàn toàn đồng ý và 7% hoàn toàn không đồng ý.



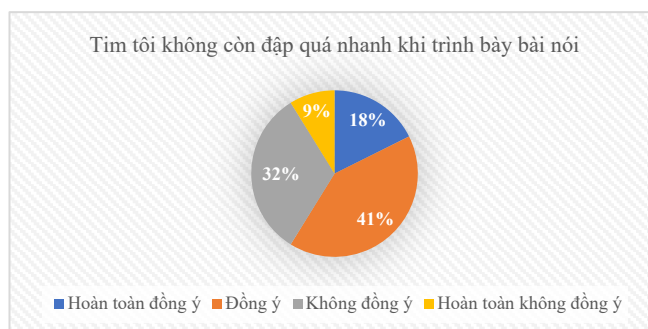
Biểu đồ 7. Tôi có thể nói trôi chảy bài nói trong thời gian cho phép với rất ít khoảng dừng

Có thể thấy trên biểu đồ 8 việc giao tiếp bằng mắt khi nói ứng khẩu còn là một rào cản lớn với sinh viên. Chỉ có 29% sinh viên cho rằng mình đủ tự tin trong khi 59% không tự tin và 12% hoàn toàn thấy không tự tin. Thông tin này phù hợp với Kaur (2010) khi nói rằng sinh viên thường e dè khi giao tiếp mặt đối mặt với người khác, một số còn rất bối rối mà không rõ lý do cụ thể nào.



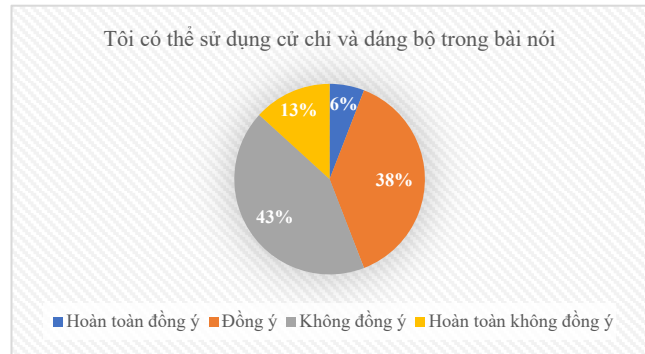
Biểu đồ 8. Tôi tự tin giao tiếp bằng mắt

Biểu đồ 9 cũng đưa thông tin về nỗi sợ hãi lo lắng của sinh viên khi nói ứng khẩu khi đó tim đập nhanh (Kaur, 2010). Khi tâm lý không tốt ngoài báo cáo về tim cũng ghi nhận các dấu hiệu khác như chân tay lạnh và run rẩy. Như vậy sau quá trình rèn luyện, sự tự tin toàn vẹn có thể chưa có nhưng sinh viên cũng đã biết kiểm soát hơn. Có 18% hoàn toàn không có dấu hiệu lo lắng thể hiện ra bên ngoài trong khi 9% vẫn ghi nhận tim đập nhanh.



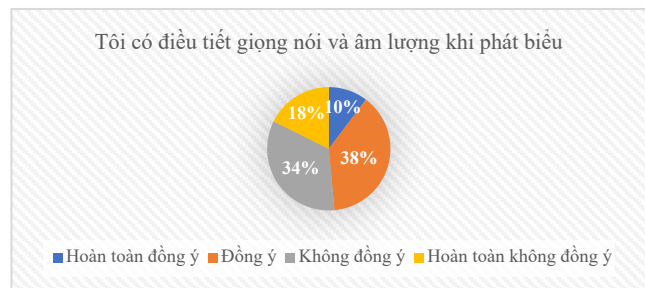
Biểu đồ 9. Tim tôi không còn đập quá nhanh khi trình bày bài nói

Một người nói trước đám đông tốt là người biết kiểm soát tâm lý và sử dụng cử chỉ và dáng bộ phục vụ bài nói của mình. Có nhiều sinh viên biết kiểm soát dấu hiệu lo lắng thể hiện ra bên ngoài như run tay chân nhưng cần thời gian để biết kết hợp cử động của thân thể với nội dung của bài nói. Theo như biểu đồ 10 hơn một nửa số sinh viên không sử dụng cử chỉ và dáng bộ trong bài nói trong đó có đến 13% hoàn toàn không thể sử dụng yếu tố này.



Biểu đồ 10. Tôi có thể sử dụng cử chỉ và dáng bộ trong bài nói

Biểu đồ 11 cho thấy số lượng lớn sinh viên vẫn chưa thể điều tiết giọng nói và âm lượng khi trình bày bài nói của mình. Âm lượng và giọng nói cũng là yếu tố quan trọng thể hiện sự tự tin và kỹ năng nói. Sau thời gian luyện tập nói ứng khẩu vẫn còn 34% không điều tiết được giọng nói và âm lượng và 18% hoàn toàn không làm được điều đó.



Biểu đồ 11. Tôi có điều tiết giọng nói và âm lượng khi phát biểu

2.3. Kết luận và đề xuất

Như vậy sau thời gian một học phần làm quen và luyện tập nói ứng khẩu, dựa trên quan sát và kết quả từ khảo sát người học, sinh viên cũng có tiến bộ trong hoạt động dạy và học này. Gần một phần ba số sinh viên thấy tự tin trả lời được mọi câu hỏi mà không có sự chuẩn bị nhiều từ trước. Sinh viên biết xoay xở khi quên từ, biết sắp xếp các ý vào bài nói ba phần, biết cách kiểm soát sự lo lắng thể hiện ra ngoài qua nhịp tim, chân tay run và cũng biết cách để bài nói được trôi chảy hơn.

Tuy nhiên có thể thời gian luyện tập còn giới hạn nên sinh viên vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Một phần ba số sinh viên vẫn cần viết ra giấy nội dung cần trình bày, 71% sinh viên không tự tin giao tiếp bằng mắt, gần một nửa không sử dụng được cử chỉ điệu bộ và vẫn chưa điều tiết được giọng nói cũng như âm lượng. Với thời lượng và nội dung bài học, quá nửa số sinh viên cho rằng thời gian chuẩn bị và thời gian trình bày bài nói là phù hợp.

Nói ứng khẩu là một kỹ năng khó nhưng quan trọng và cần thiết trong giao tiếp thực tế. Khi nói ứng khẩu sinh viên gặp nhiều rào cản về tâm lý. Để giúp đỡ sinh viên vượt qua những rào cản này, giáo viên giảng dạy có thể lưu ý những ý sau.

Thứ nhất, việc lựa chọn chủ đề luyện tập cần nằm trong lịch trình giảng dạy để sinh viên vừa nắm được kiến thức cần học vừa giảm sự căng thẳng nếu không có kiến thức nền về chủ đề trình bày. Khi sinh viên tham gia kì thi nói hay kiểm tra chuyên về nói ứng khẩu mới cần yếu tố đa dạng và ngẫu nhiên.

Thứ hai, nói ứng khẩu đòi hỏi không có hoặc rất ít sự chuẩn bị từ trước tuy nhiên cũng cần cân nhắc về trình độ và kiến thức mà người học có. Giáo viên có thể linh hoạt vào thời gian đầu làm quen và tăng dần về những tuần sau. Như tác giả bài viết có để thời gian chuẩn bị 3 phút cho một chủ đề ngẫu nhiên đã học, chủ đề này thuộc tiếng Anh chuyên ngành và dành cho đối tượng sinh viên năm thứ hai chưa thật thành thạo về kỹ năng tiếng.

Thứ ba, bài nói ứng khẩu được trình bày trong thời gian ngắn do đó sinh viên cũng tự ý thức việc ngắt nghỉ tìm ý tìm từ quá lâu sẽ ảnh hưởng đến chất lượng bài nói. Người viết đã gợi ý sinh viên dùng chiến thuật câu giờ để có thêm thời gian suy nghĩ bằng cách chèn các thuật ngữ như “let me think” “give me a second to think”, trình bày lại ý câu hỏi hoặc tìm các từ tương đương với từ đang bị bí. Sinh viên đã vận dụng nhanh chiến thuật này và giảm đáng kể sự lo lắng.

Thứ tư, trong quy trình một bài nói ứng khẩu người viết đều kết thúc bằng việc phản hồi bài nói tới sinh viên. Do thời gian hạn chế nên bài nói chỉ được nhận xét từ phía giáo viên. Giáo viên có thể chỉ ra ngay các vấn đề còn tồn tại ở bài nói đó và biết rõ mục tiêu bài học đề ra.

Mục tiêu của phần nhận xét phản hồi là giúp người học tiến bộ và duy trì động cơ học tập nên những phản hồi dù có cả tích cực và tiêu cực thì cũng cần sự cân bằng giữa hai ý đó. Những phản hồi tiêu cực có thể dẫn đến sự chán nản và mất tự tin ở người học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ajeng, G. D. (2016). *The possible causes of Indonesian EFL students' anxiety in speaking impromptu speech*. 4th International Conference on Education and Language 2016, Bandar Lampung University, Indonesia.
2. Fredricks, S. M. (2005). Teaching impromptu speaking: A pictorial approach. *Communication teacher*, 19(3), 75-79.
3. Gudu, B. O. (2015). Teaching speaking skills in the English language using classroom activities at the secondary school level in Eldoret municipality, Kenya. *Journal of Education and Practice*, 6(35), 55-63.
4. Gregory, H. (1996). *Public speaking for college and career* (4th Ed.). New York: McGraw-Hill.
5. Gregory, H. (1998). *Public speaking for college and career* (5th Ed.). New York: McGraw-Hill.
6. Henderson, D. (1982). Impromptu speaking as a tool to improve non-native speakers' fluency in English. *JALT Journal*, 4, 75-87.
7. Horwitz, E. (2001). *Language anxiety and achievement*. Annual Review of Applied Linguistics, 21(1), 112-126. <https://doi.org/10.20414/betajtm.v9i2.7>
8. Hsieh, S. (2006). Problems in preparing for the English impromptu speech contest: The case of Yuanpei Institute of Science and Technology in Taiwan. *RELC journal (Sage)*, 37(2), 216-235.
9. Kaur, K a/p Singh, G. (2010). *A study of impromptu speeches among undergraduates at the university of Malaya*. The English Teacher vol XXXIX: 51:57.
10. Lucas, Stephen E. (2009). *The art of public speaking* (10th Ed.), New York: McGraw-Hill.
11. Menguin, J. (2008). *Speaking off the cuff*. Retrieved from <http://www.scribd.com/doc/2026294/Speaking-Off-the-Cuff>
12. Suthiwartnarueput, T. (2017). The effects of impromptu speaking practice on English speaking ability of Thai EFL students. *Journal of Institutional Research in South East Asia*, 15(1), 106-120.
13. Szyszka, M. (2017). *Pronunciation learning strategies and language anxiety: In search of an interplay*. Cham: Springer.
14. Wood, D. (2001). In search of fluency: What is it and how can we teach it? *Canadian Modern Language Review*, 57(4), 573-589.

ENHANCING ENGLISH SPEAKING SKILL FOR ENGLISH MAJORED STUDENTS THROUGH IMPROMPTU SPEAKING

***Abstract:** Impromptu speaking is a skill that many foreign language learners are hard to acquire. It causes a lot of anxiety for a presenter because it requires talking about a complete topic without or with little preparation time. In fact, this skill not only helps learners practice responding quickly but also develops communication skills for learners, increasing their confidence when speaking in front of a crowd. The article presents the opinions of second-year English majored students about the impromptu speaking activities used in the Business English module. From what students have achieved and outstanding problems, the author of the article proposes some suggestions to help improve this teaching and learning activity in class.*

***Keywords:** Impromptu speaking, English-majored students, public speaking.*